

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM
KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO
QUYỂN 41

- Sơ câu: “Giải thích đầy đủ bốn phần này như Luận Tạp Tập quyển thứ mười ba”: Luận này đã tạo lập “Bổ-đặc-già-La”, lược nêu có bảy thứ sai biệt:

Một: Bệnh hành sai biệt. (Sai biệt của hành Bệnh)

Hai: Xuất ly sai biệt. (Sai biệt của việc lìa khỏi)

Ba: Nhậm trì sai biệt. (Sai biệt của sự giữ lấy)

Bốn: Phương tiện sai biệt. (Sai biệt của phương tiện)

Năm: Quả sai biệt. (Sai biệt của Quả)

Sáu: Cảnh giới sai biệt. (Sai biệt của cảnh giới)

Bảy: Tu hành sai biệt. (Sai biệt của sự tu tập)

Nay, tương đương với “Bệnh hành sai biệt” tự có bảy loại:

Một: Hành theo Tham.

Hai: Hành theo Sân.

Ba: Hành theo Si.

Bốn: Hành theo Mạn.

Năm: Hành theo Tâm, Tư.

Sáu: Hành theo Đẳng phần.

Bảy: Hành theo “Bạc Trần”.

- Nói “Bổ-đặc-già-la của Hành theo Tham”: Nghĩa là có sự tham dục kéo dài, mãnh liệt, tuy ở nơi cảnh giới đáng ưa thích thấp kém, mà có thể phát khởi tham dục “thượng phẩm”, sự dấy khởi này kéo dài không có đoạn, dứt. Cũng như “Hành theo Tham”, cho đến “Hành theo Tâm Tư” cũng thế. Điều tùy theo cảnh của chính mình, dấy khởi mãnh liệt, kéo dài. Theo lý ấy kết hợp để giải thích.

- Nói “Bổ-đặc-già-la của Hành theo Đẳng phần”: Tức Trụ nơi “Tự Tánh phiền não”, xa lìa chỗ mãnh liệt và yếu kém, trụ nơi cảnh giới bình đẳng phiền não, tùy theo thế lực của Cảnh giới mà phiền não hiện hành.

Giải thích: “Mãnh liệt” là phân biệt với năm thứ trước. “Yếu kém” là phân biệt với loại thứ bảy. Trụ nơi cảnh giới bình đẳng là giải thích, xác nhận về Tự tánh. Tùy theo thế lực của Cảnh giới mà phiền não hiện hành là giải thích Tự tánh phiền não. Nghĩa là, Tâm tham nơi Cảnh hơn tức tăng, tâm tham nơi Cảnh kém thì giảm, chẳng giống với năm thứ trước, ở nơi Cảnh thấp kém mà dấy khởi Tham “Thượng phẩm”. Hoặc cùng với Cảnh bằng nhau nên gọi là “Đẳng phần”.

Lại nữa, ở nơi chỗ dấy khởi không thiên về hơn, kém, nên gọi là “Đẳng”. Luận viết: “Bổ-đặc-già-la của Hành theo Bạc Trần, nghĩa là trụ nơi tự tánh vị phiền não mỏng. Như trước đã nói về Tướng của Tự tánh vị phiền não. Nay thì phiền não ấy so với kia là mỏng, ít. Tuy ở nơi Cảnh giới của đối tượng được duyên tăng thượng mà tánh phiền não hiện hành nhỏ, mỏng. Vì do lực đối trị khuất phục phiền não mạnh mẽ mà xưa kia từng tu tập.

Giải thích: Chẳng phải như “Đẳng phần” ở trước, luôn “Đẳng” nơi Cảnh đối trước, cảnh hơn thì Tham nặng v.v... Nay, cảnh hơn cũng dấy khởi kém, nên chẳng giống với trước.

Lại, trên có bảy thứ, trong Kinh thường nói đến bốn, cho ba độ kia (Tham Sân Si) là căn bất thiện, trong đó “Đẳng phần” thu tóm ba thứ còn lại, nên văn của bản Sở gọi là Đẳng phần, tức có phần nơi nhẹ, nặng. Nhẹ tức là Bạc Trần, nặng tức là chính nó. “Đẳng phần” đã “Bằng” nơi Cảnh, đối chiếu với “Bạc Trần” nên là nặng. Lại, “Đẳng” đều là tương tự không có hơn kém, còn ba thứ trước thì có nghĩa cùng tăng thêm.

- Sở câu: “Năm là cầu sự vui thích nơi Trời, người là vui thích sinh tử”: Tức e có người nêu vấn nạn: “Ai lại ưa thích về Tử?” Nên ở đây đáp: “Gọi là ưa thích nơi Sinh, do sinh ắt có tử. Cho nên sự vui thích của Trời, người là sự việc trong nẻo sinh tử.

- Sở câu: “Ưa thích sự tịch tĩnh khiến thành Lý tịch tĩnh”: Tức là ý nói về “Vị nhân Tất đàn”, cũng tức là “Đối trị Tất đàn”.

- Sở câu: “Tức dựa nơi pháp chẳng dựa nơi người”: Là đối với câu thứ nhất: “Văn liền nghĩa đúng”, tức “dựa nơi nghĩa chẳng dựa nơi văn”. Phần Sở giải do văn, nghĩa đều rõ nên không giải thích. Trong câu thứ hai có hai đối, tức : Dựa nơi pháp, chẳng dựa nơi người; dựa nơi Trí chẳng dựa nơi Thức. Là đủ “Pháp bốn y”. Tức nơi Kinh Tịnh Danh, Phẩm Pháp Cúng Dường, trong đó, theo thứ lớp là: Nghĩa-Lời (văn), Trí- Thức, Liễu nghĩa-Chẳng liễu nghĩa, Người-Pháp.

Về nghĩa của bốn y, dùng ba môn để phân biệt:

Một: Giải thích tên gọi.

Hai: Nêu ra Thể.

Ba: Nói về thứ lớp.

Một: Giải thích tên gọi: Nghĩa tức là đối tượng được giảng giải, nương vào đấy mà dấy khởi Hành, do vậy nên dựa theo. Giáo pháp tuy giảng giải về Lý, nhưng cần phải quên lời. Lời chẳng phải là nghĩa nên chẳng dựa vào.

Trí không phân biệt, có khả năng quyết đoán, vì thế nên dựa vào. Thức là phân biệt có thể dấy khởi về nhiệm, vương, vậy chẳng nên dựa. “Dựa nơi Kinh liễu nghĩa, không dựa nơi Kinh chẳng liễu nghĩa”: Tức hiển bày sự thật, rõ ràng, gọi là Liễu nghĩa. Nương vào đấy để lãnh hội, lý giải, vì thế nên dựa vào. Có nhiều ẩn giấu chìm khuất, gọi là chẳng liễu nghĩa khiến người vương chấp, do đấy chẳng nên nương theo.

Nhờ nơi Pháp để dấy khởi Hành, vì vậy cần dựa vào Pháp chẳng tùy theo tình ý của Người nên chẳng y theo Người.

Nhưng về Kinh “Liễu nghĩa” thì có nhiều môn:

Một: Môn pháp ấn, chẳng phải Pháp ấn: Tức cùng tương ứng với ba pháp ấn: Vô thường, Vô ngã, Tịch tĩnh, thì gọi là Liễu nghĩa.

Hai: Môn Đại thừa, Tiểu thừa: Ba Pháp ấn của Tiểu thừa cũng chẳng phải là Liễu nghĩa. Đại thừa mới là Liễu nghĩa. Như đã nêu bày trong phần nhận biết về bảy Thiện. Lại như Kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ sáu nói: “Nếu nói Như Lai là Vô thường, biến đổi, đó là chẳng liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai là thường trụ, Bất biến thì đó là Liễu nghĩa.”

Ba: Môn Hiển, Mật: Ý ẩn mật mà nêu giảng rõ khắp, gọi là chẳng liễu nghĩa. Thấu tỏ chỗ hiển để thuyết giảng thì gọi là Liễu nghĩa.

Bốn: Lại đối với Đại thừa, sự giảng nói chưa hoàn bị, gọi là chưa liễu nghĩa. Nếu sự thuyết giảng đã hoàn bị, thì gọi là Liễu nghĩa.

Bốn môn trên đây thì môn một là khiến vật bỏ tà quy về chánh. Hai là bỏ Tiểu quy về Đại. Ba là bỏ Mật theo Hiển. Bốn là khiến suy tìm chỗ giảng giải tạo cho nghĩa lý được hoàn bị.

Hai: Nêu ra Thể (của bốn y)

Một là đối tượng được giảng giải (Sở thuyên) thì chung cả Sự, Lý.

Hai là chủ thể chứng đắc, thì chung cho Trí căn bản, Hậu Đắc Trí.

Ba là, căn cứ nơi chủ thể giảng giảng (Năng thuyên) chung giảng giải cả hai phần trên.

Bốn là, căn cứ theo chủ thể thuyết giải (Năng thuyết) thì quên tình để chọn lấy Pháp.

Ba: Nói về thứ lớp: Tức lấy theo nghĩa ở trên để làm thứ lớp. Phần còn lại có thể theo đây mà xét.

- Số “Bảy là đích thực đoạn trừ Pháp ái”:

Tức dùng Trí quán chân thật về Sự, Lý không trái nhau, do Tâm sinh ái chấp nên chẳng chứng thật. Vì thế các bậc Thánh nhân ít có chỗ suy niệm về việc “Chẳng đạt được” quả vị Thánh.

- Số câu: “Nếu như tự tu tập các pháp ấy thì cũng là lợi tha”: Do ở phần này nêu lên lúc thuyết pháp không rời bỏ các độ. Mà phần tiếp sau giải thích về tướng, thì ở chỗ chư Phật, nghe pháp, gần gũi bạn lành, cũng có trường hợp thành tựu chẳng nhân nơi thuyết pháp. Cho nên vì đây mà cần thông tỏ: Nếu như lúc tự tu tập cũng vì chúng sinh, tức chẳng trái với chỗ nối tiếp theo trước, tùy ở đối tượng nên hóa độ mà luôn vì họ giảng nói pháp.

- Số câu: “Bốn là trong Tinh Tấn thì phát nguyện vì khắp chúng sinh” Trong đây tóm tắt bốn sự tu tập cùng ba thứ Tinh tấn, nên phần Số giải đã cùng phối hợp, suy xét kỹ có thể nhận biết.

- Trong phần năm là Thiền định. Số câu: “Một là chê trách năm dục”: Tức pháp Chỉ Quán của Tông Thiên Thai, dựa nơi Trí Luận cùng các Kinh, về sự tu tập Chánh đạo, trước hết lập ra hai mươi lăm phương tiện:

Một: Gồm đủ năm dục.

Hai: Chê trách năm dục.

Ba: Trừ bỏ năm thứ che lấp (Cái).

Bốn: Điều phục năm Sự.

Năm: Hành năm pháp.

Năm phần mỗi phần gồm năm thứ thành ra hai mươi lăm. Nay ở đây chỉ nêu rõ phần “Chê trách năm dục”. Văn nơi phần Số giải gồm hai:

Một: Làm rõ ý chê trách.

Hai: Từ câu: “Thế nào là chê trách” tiếp xuống: Là chính thức nêu rõ sự chê trách về tướng. Phần này gồm ba:

Một là, chỉ rõ riêng về chỗ lỗi lầm kia, nên chê trách.

Hai là, Từ câu: “Năm dục này” tiếp xuống: Là tóm kết để chính thức chê trách.

Ba là, Từ câu: “Huống chi Bồ tát” tiếp xuống: Là không chê trách về Tướng.

Thuận theo văn Kinh thì nghĩa chính là không tham đắm, phần còn lại là phương tiện. Văn nơi phần Sở giải không nói tới, nhưng ở đây cần nêu tóm lược về tên gọi.

- Nói “Gồm đủ năm duyên”: Tức là:

Thứ nhất: Giữ giới thanh tịnh.

Thứ hai: Y phục, ẩm thực đầy đủ.

Thứ ba: Ở nơi chốn vắng lặng.

Thứ tư: Dứt hết mọi sự việc liên hệ.

Thứ năm: Gần gũi thiện tri thức.

Nói “Trừ bỏ năm thứ che lấp” tức như trước đã nêu dẫn.

Nói “Điều phục năm Sự”: Tức :

Một: Điều hòa việc ăn uống khiến chẳng đói, chẳng no quá.

Hai: Điều hòa việc ngủ nghỉ, khiến chẳng hạn chế, cũng chẳng tùy tiện.

Ba: Điều hòa về thân, khiến chẳng quá thông thả hay quá vội gáp.

Bốn: Điều hòa về hơi thở để giữ được sự quân bình.

Năm: Điều hòa về tâm khiến chẳng hôn trầm, chẳng trạo cử.

“Hành theo năm pháp” là Dục: (Mong muốn). Tinh tấn. Niệm. Trí Tuệ khéo léo. Nhất tâm. Cùng loại trước sau về Tướng có thể nhận biết.

- Sở câu: “Tức tất cả môn Thiên”: Luận Du Già quyển thứ ba mươi ba, nói sáu độ, bốn đẳng tâm đều có chín môn:

Một: Tự tánh.

Hai: Tất cả.

Ba: Khó hành trì.

Bốn: Hết thấy môn.

Năm: Thiện sĩ.

Sáu: Nhất thiết chủng.

Bảy: Toại cầu.

Tám: An lạc của đời này, đời khác.

Chín: Thanh tịnh.

Nên phần Tụng nơi Luận ấy viết:

“Tự tánh, Nhất thiết, Nan

Nhất thiết môn, Thiện sĩ

Nhứt thiết chủng, Toại cầu

Hai đời lạc, Thanh tịnh.”

Lại, “Tự tánh” đều có một loại. “Nhất thiết” thì hai hoặc ba loại.

“Khó hành trì” đều là ba loại. “Nhất thiết môn” đều là bốn loại. “Thiện sĩ” gồm năm loại. “Nhất thiết chứng” thì sáu hoặc bảy loại. “Toại cầu” đều là tám loại. “Hai đời an lạc” đều có chín loại. “Thanh tịnh” gồm mười loại.

Nay nói về chín môn nơi Tĩnh lự, gồm:

- “Tự tánh”, tức là Tâm đồng nhất với Tánh của Cảnh, hoặc nơi phẩm Xa Ma Tha (chỉ), hoặc nơi phẩm Tỳ-Bát-xá-na (Quán), hoặc theo nẻo cả hai cùng vận hành, tức trong mười câu nơi Kinh là câu hai, ba cùng câu mười

- “Nhất thiết Thiên”, lược có hai loại:

Một là thế gian.

Hai là xuất thế gian.

Chín định Thứ đệ thì chung cho Thế gian. Chẳng trụ, chẳng xuất là Xuất thế gian. Cũng tức thuộc về câu thứ hai.

“Nhất Thiết Thiên” lại có ba thứ:

Một là, Hiện pháp lạc trụ Thiên. Tức thân tâm khinh an, xa lìa mọi kiêu mạn, dấy khởi, bỏ hẳn sự yêu thích về diệu vị của Thiên, dứt bật tất cả hình tướng.

Hai là, dẫn sinh công đức Thiên (Thiên làm phát sinh các công đức).

Ba là, Nhiều ích Hữu tình Thiên (Thiên đem lại lợi ích cho chúng sinh). Như phần Sở giải đã phối hợp.

- “Thiên khó hành trì”, tức có ba loại:

Một là, đã trụ một cách sâu xa nơi định, nên có khả năng dẫn dắt các Tĩnh lự mà xả bỏ chỗ sinh khởi hơn hết nơi Dục giới. Đó là sự khó hành trì thứ nhất. Tức nơi Kinh là câu thứ năm.

Hai là, dựa nơi Tĩnh lự ấy, nên có thể phát khởi vô số, vượt quá các Đẳng trì của Nhị thừa đã tu hành, cũng là câu thứ năm, do vậy phần Sở giải viết: “Tức là Tướng khó hành trì.”

Ba là, dựa nơi Tĩnh lự, mau chóng chứng đắc đạo quả Bồ đề vô thượng, tức là câu thứ mười, phần Sở giải cũng đã nêu rõ.

- “Nhất Thiết môn Thiên”, gồm bốn thứ:

Một là, cùng hành theo Tâm, Tư.

Hai là, cùng hành theo Hỷ.

Ba là, cùng hành theo Lạc.

Bốn là, cùng hành theo Xả.

Tức thuộc về câu thứ hai, phần Sở giải đã nêu.

- “Thiện sĩ Thiên”: Lược có năm thứ:

Một là, không tham ái diệu vị của thiền, tức là câu ba, bốn.

Bốn thứ còn lại cùng tương ứng với bốn Đẳng tâm. Tức thuộc về câu thứ tám. Cảnh giới của đối tượng được duyên hợp là tâm Từ bi nhớ nghĩ về chúng sinh.

- “Nhất Thiết chủng”:

Tĩnh lự này có sáu thứ, bảy thứ, tổng cộng là mười ba loại.

Nói sáu thứ, tức:

Một là, Thiện tĩnh lự.

Hai là, Vô ký biến hóa Tĩnh lự.

Ba là, Phẩm Xa-ma-tha.

Bốn là, Phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Năm là, Thấm định đúng về tự lợi, lợi tha, theo đấy mà duy trì.

Sáu là, có thể dẫn khởi thần thông với uy lực, công đức.

Cũng là câu thứ sáu: Dẫn khởi thần thông. Lại cũng chung cho các câu còn lại.

Nói bảy thứ là:

Một là, Danh duyên Tĩnh lự.

Hai là, Nghĩa duyên Tĩnh lự.

Ba là, Chỉ tương duyên Tĩnh lự.

Bốn là, Cử tương duyên Tĩnh lự.

Năm là, Xả tương duyên Tĩnh lự.

Sáu là, Hiện pháp an lạc trụ Tĩnh lự.

Bảy là, Nhiều ích tha Tĩnh lự. (Tĩnh lự đem lại lợi ích cho người khác).

- “Toại cầu”: Tức tâm ý của chúng sinh được thỏa mãn, cũng thuộc về câu “Thần thông”. Lược có tám thứ:

Nơi đoạn này, văn của Luận hơi rộng, nay chỉ lược dẫn về ý nghĩa:

Một là, có thể dứt bỏ các độc.

Hai là, có thể đoạn trừ các bệnh.

Ba là, tuôn mưa, ngăn sự khát.

Bốn là, cứu giúp các sự sợ hãi.

Năm là, có thể cung cấp cơm nước.

Sáu là, có thể bố thí tiền của.

Bảy là, có thể chỉ dạy, can gián đúng đắn.

Tám là, có khả năng tạo tác đúng.

Tùy theo tương ứng có thể nhận biết.

- Tám: “Đời này đời khác đều an lạc” Pháp Tĩnh lự này có chín

thứ:

Một là, Tĩnh lự với thần thông biến hiện để thu phục chúng sinh.
 Hai là, Tĩnh lự với sự thọ ký biến hiện để nhiếp phục chúng sinh.
 Ba là, Tĩnh lự với sự chỉ dạy biến hiện để điều phục chúng sinh.
 Bốn là, đối với kẻ tạo ác thì thị hiện cõi xấu ác để giáo hóa.
 Năm là, đối với người mất biện tài thì có thể giúp họ có được biện

tài...

Sáu là, đối với người “Mất niệm” thì giúp họ có chánh niệm.

Bảy là, Tạo lập chỗ biện luận không điên đảo.

Tám là, đối với những ngành nghề kỹ xảo ở đời đều tùy thuận tạo

tác.

Chín là, phóng hào quang để dứt trừ khổ.

Hai loại sau cũng nêu dẫn nghĩa, tùy chỗ tương ứng mà phối hợp.

- Chín: “Thanh tịnh Thiên”: Có mười thứ. Đoạn tiếp sau của phần Sơ giải sẽ tự phối hợp.

Chín môn của các độ còn lại đến phẩm thập Hạnh sẽ nêu rõ.

- Sơ câu: “Ba là an trú nơi Định về Lý vắng lặng mọi chấp của sự tham ái nơi diệu vị”: Tức nơi Luận Tạp Tập quyển thứ chín, viết: “Tĩnh lự như thế nơi cõi Vô sắc, do bốn thứ tướng nên phân biệt rộng, là Tạp nhiễm, Thanh bạch, Kiến lập, Thanh tịnh.

Gọi là Tạp nhiễm, tức bốn căn Vô ký là Ái, Kiến, Mạn và Vô minh, do bốn thứ Hoặc này làm tâm bị nhiễm ô, ở nơi các môn Tĩnh lự định bị nhiễm ô khiến ở cõi Sắc và Vô sắc tất cả phiền não Hữu phú Vô ký cùng với Tùy phiền não sinh trưởng không dứt.

Giải thích: Trên tức là giải thích tóm lược văn của Luận. Phần tiếp sau giải thích riêng, văn bao quát rộng khắp nên ở đây chỉ lược lấy ý. Nghĩa là do có tham ái về diệu vị nơi Tĩnh lự trên, do có kiến nên chấp giữ Tĩnh lự trên. Do có kiêu mạn nên dựa cậy nơi Tĩnh lự trên. Do có Vô minh nên nghi ngờ về Tĩnh lự trên. Các phiền não như thế là luôn làm cho tâm bị cấu nhiễm khiến hai Hoặc lớn, nhỏ nơi cõi Sắc, Vô sắc nối tiếp lưu chuyển.

Luận viết: “Gọi là Thanh bạch”, tức là Tĩnh lự thanh tịnh. Tự tánh của Vô sắc là Thiện nên nói là “Thanh bạch”. Tuy là pháp thế gian, nhưng lìa mọi trói buộc, cấu nhiễm, nên cũng gọi là Tịnh.”

Luận viết: Gọi là kiến lập, tức kiến lập về chi phần, kiến lập về Đẳng chí, kiến lập về Phẩm loại, Kiến lập về danh tướng. Ở nơi các pháp Tĩnh lự đều gồm đủ bốn thứ kiến lập ấy. Nhưng nơi các cõi ở Vô sắc thì chỉ có ba thứ kiến lập, tức trừ kiến lập về chi phần.

- Kiến lập về chi phần: Chỉ chọn lấy ý, tức là năm chi phần của cõi Thiền thứ nhất.

- Kiến lập về Đẳng chí, tức là bảy thứ tác ý, nhập nơi cõi Tĩnh lực thứ nhất cho đến cõi Phi tưởng.

- Kiến lập về Phẩm loại, nghĩa là ở nơi cõi Tĩnh lực thứ nhất có đủ ba phẩm huân tập tu trì. tám định đều như thế, nên từ Sơ thiền đến Tứ thiền, tùy theo nhân của ba phẩm mà đều có ba cõi Trời.

- Kiến lập về danh tướng, tức trong Tĩnh lực có Vô lượng tên gọi chẳng thể tính toán, do chỗ hội nhập của chư Phật, Thế Tôn thì hàng Nhị Thừa chẳng thể biết được. Cho đến tám định thì hồ tương thâm tóm.

Luận viết: “Gọi là Thanh tịnh”, nghĩa là biên hạn diệu lực của định, trong cõi Tĩnh lực thứ nhất cho đến biên hạn của cõi Phi Tưởng phi tưởng xứ, đó gọi là Thanh tịnh.

Phần Sở giải thích Luận kia viết: Biên hạn rốt cùng có trong tám định, là do sự tác dụng tự tại lia mọi chướng ngại không thể thọ nhận, nên gọi là Thanh tịnh. Chung cho cả Hữu lậu, Vô lậu, chính là chỗ tự tại tác dụng, nên cùng gọi là Thanh tịnh.

Giải thích: Nay, nơi phần Sở giải, câu ba, bốn tức là lia sự tạp nhiễm nơi bốn căn Vô ký đã nói ở trước, là phần tương ứng thứ tư tức “Thanh tịnh”. Câu năm đến câu tám tức cùng thuộc về “kiến lập về danh tướng” nêu trước, cùng với sự “Kiến lập về Phẩm loại.”

Phần còn lại có thể theo đấy mà xét.

- Sở câu: “Năm là làm phát sinh các định”: Tức Luận Tạp Tập gọi là sự kiến lập về danh tướng. Nơi phần Sở giải, trước hết là biện minh về chủ thể làm phát sinh, tức dựa nơi, văn trong phần “Tu Hành Tín Tâm” của Luận Khởi Tín. Trước đó, Luận viết: “Tu tập thuần thực lâu thì Tâm được an trụ” cho đến “Được vào Tam muội Chân như.” Phần tiếp sau, Luận viết: “Lại nữa, dựa nơi pháp Tam muội ấy thì biết Pháp giới là nhất tướng, nghĩa là Pháp thân của tất cả chư Phật cùng với thân của chúng sinh là bình đẳng không hai, nên gọi là Tam muội Nhất hành. Cho nên biết chân như là cội gốc của Tam muội. Nếu người theo đấy tu hành thì dần dần có thể phát sinh vô lượng Tam muội.” Trong Kinh nói Vô lượng Tam muội, tức như Trí Luận viết: “Năm Trí ấn cùng với ba vạn năm ngàn Thủ Lăng Nghiêm, năm vạn ba ngàn phương tiện khéo léo, vô lượng vô biên...”

- Sở câu: “Trong đó, thuận, nghịch, nên đều có vượt, cách”: Tức Luận Câu Xá, phẩm Định nói: “Hai loại định, thì thuận, nghịch, đều, cách, gần, vượt, cho đến cách, vượt là thành tựu. “Ba Châu lợi vô học”,

nghĩa là gốc thiện nơi Đẳng chí phân làm hai loại: Một là Hữu lậu; Hai là Vô lậu. Đi lên trên là Thuận, trở lại xuống dưới là Nghịch. “Nay phần Sơ giải đã dựa theo đấy để giải thích. Lại nữa, Luận viết: “Đồng loại gọi là đều. Khác loại gọi là Cách. Cùng gần gũi gọi là gần. Vượt qua một bậc, hai bậc gọi là Vượt.

“Cho đến vượt cách, là thành tựu”; Tức nêu rõ về tu tập vượt bậc. Nghĩa là, người hành pháp Quán, lúc tu tập vượt về định, trước ở chỗ Hữu lậu nơi Đẳng chí của Tám địa, thuận, nghịch, đều, gần, luôn tu tập hiện tiền. Tiếp theo, ở nơi Hữu lậu, thuận, nghịch, đều vượt mà thường tu tập hiện tiền. Tiếp nữa, ở nơi Vô lậu, thuận, nghịch, đều, vượt luôn tu tập theo hiện tiền. Đó gọi là Gia hạnh viên mãn. Sau, ở nơi đẳng chí Hữu lậu, Vô lậu, thuận, nghịch, cách, vượt tu tập, gọi là sự thành tựu của siêu vượt nơi định.

“Ba châu lợi Vô học” là nêu rõ về nơi chốn và người tu vượt bậc nơi Đẳng chí, tức chính là người ở ba châu. Đúng là hàng “lợi căn”, phải là bậc A-la-hán thì mới có thể tu tập. Nay nói rõ là Bồ tát thì hiển nhiên là có thể vượt được. Như vượt bậc theo hướng thuận, thì từ bậc Thiền thứ nhất xuất là nhập nơi bậc Thiền thứ hai, nhưng lại nhập nơi cõi Thiền thứ ba, tức là vượt một bậc. Nếu từ Sơ thiền xuất mà nhập nơi Tứ Thiền tức là vượt hai bậc. Hội nhập thẳng vào Diệt định, thì gọi là siêu vượt hoàn toàn. Vượt bậc theo hướng nghịch cũng vậy.

- Sở câu: “Cũng gọi là pháp Tam muội Sư tử du bộ”: Nghĩa là thu mình lại để nhảy vọt lên phía trước, tức như trong một trăm lẻ tám pháp Tam muội mà Trí Luận đã nói đến, thì đấy là tên của pháp Tam muội thứ ba. Bồ tát được pháp Tam muội ấy, thì ở trong tất cả các pháp Tam muội, ra vào nhanh chậm đều được tự tại. Ví như các loài thú lúc đang vui đùa, nếu thấy Sư Tử thì thấy đều sợ hãi. Sư tử, lúc vui thích, đối với các loài thú dám chống cự lại thì sẽ sát hại, loài thú phục tùng thì buông thả. Bồ tát cũng như thế. Đạt được pháp Tam muội này, thì đối với hàng ngoại đạo bướng bỉnh tất phá trừ, hàng tin theo thì hóa độ. Cho nên gọi là “Tam muội Sư Tử du bộ”. Tam muội thứ nhất trăm lẻ tám mang tên là “Ly trước Hư không bất nhiễm”. Tam muội thứ nhất có tên là “Thủ Lăng Nghiêm”.

- Sở câu: “Tam muội thứ hai tên là Tam muội Bảo Ấn” Luận Trí Độ nói: “Có khả năng thu giữ các pháp Tam muội. Ở trong các thứ báu thì Pháp bảo là thứ báu đích thật, đời này đời sau, cho đến khi đạt được Niết-bàn đều có thể đem lại lợi ích. Như Phật đã từng nói với các Tỳ kheo: Vì các thầy thuyết giảng giáo pháp, đó là pháp ấn. Pháp ấn là quý

báo, là cửa giải thoát. Như trong ba Tạng giáo pháp đã dùng ba Pháp ấn làm Pháp ấn. Hoặc như nơi đại Thừa chỉ có một Pháp ấn là “Thật tướng của các pháp”. Cùng với “Thật tướng Bát-nhã” tương ứng thì pháp Tam muội ấy gọi là Tam muội Bảo Ấn.”

- Sở từ câu: “Lại, câu hai, ba, bốn ở trên” tiếp xuống: Phần trên là xét theo văn để giải thích. Nay thì dùng ba Thiền để thâm tóm. Do các Kinh Luận phần nhiều đều dùng ba, như nơi Hội đầu đã nêu. Nay sẽ giải thích lần nữa. Luận Du Già quyển thứ bốn mươi ba nói: “Thế nào là Tất cả Tĩnh lự của Bồ tát? Nghĩa là Tĩnh lự ấy lược có hai loại: Một là Thế gian. Hai là xuất thế gian. Lại có ba thứ: Một là Hiện pháp lạc trụ v.v...” Luận giải thích: “Nếu các vị Bồ tát đang tu tập Tĩnh lự, xa lìa hết thảy mọi phân biệt, có thể đem lại cho thân tâm sự khinh an cùng tịch tĩnh tột bậc, xa lìa mọi trạo cử, mọi tham ái về diệu vị, dứt bật tất cả tướng. Cho nên biết đó gọi là Hiện pháp lạc trụ. Hoặc các Bồ tát hiện thực hành Tĩnh lự có khả năng dẫn khởi, an trụ vô số Đăng trì thuộc chủng tánh của Mười Lực, thâm nhiếp một cách thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể lường tính. Cho đến, nếu các Bồ tát hiện đang thực hành Tĩnh lự, có thể dẫn khởi, an trụ nơi Thắng xứ giải thoát, Biến xứ, Vô ngại giải, Vô tránh nguyện cùng công đức bất cộng của tất cả Bồ tát, thì gọi là Tĩnh lự “Năng dẫn đăng trì công đức”. Hoặc các Tĩnh lự, mà Bồ tát hiện có, có thể dẫn khởi về nghĩa lợi mọi mọi sự nghiệp của nghĩa lợi kia ấy đều tạo sự hỗ trợ...” Phần tiếp sau tóm lấy ý để nêu dẫn: “Dứt khổ, trừ sợ hãi, cứu độ, tán thán đức nơi Tam bảo, thu phục chúng sinh, là Tĩnh lự thứ ba” (Nhiều ích Hữu tình Thiền).

- Sở từ câu: “Lại chung cho mười thứ Thanh tịnh” tiếp xuống: Tức nói về môn thứ chín (Thanh tịnh Thiền) trong chín môn.

- Sở câu: “Trong phần sáu nói về tu Bát-nhã...”: Phần này gồm hai:

Một: Theo văn để giải thích.

Hai: Nhận định, phân biệt chung.

Nơi phần một, nói “Ba câu sau có tính chất liên hoàn” là do nơi kinh viết: “Một là nương theo trí Tuệ toàn diện. Hai là Hội nhập nơi cửa Trí Nhất thiết trí. Ba là Vĩnh viễn đạt được sự dừng nghỉ” Ba câu này giống như là một câu, nên gọi là có tính chất liên hoàn. Nhưng về nghĩa thì khác, nên có ba câu.

- Sở từ câu: “Trong đó cũng có tướng của chín môn” tiếp xuống: Là phần nhận định, phân biệt. Phần này có hai chi tiết:

Một: Đối chiếu với chín môn Bát-nhã.

Hai: Từ câu: “Trong ấy tuy Định Tuệ cùng có” tiếp xuống: Là phân biệt để tránh sự lẫn lộn, do cả hai cùng có. Phần hai này gồm sáu:

Một là, đối chiếu với môn định ở trước để phân biệt. Như trong phần trước nói: “Biết được cảnh giới của Tam muội, chẳng trái với chỗ thu giữ của Trí, hội nhập nơi cõi Trí” tức là Tuệ ở trong Định, Tuệ hỗ trợ cho định. Nay, ở đây có sự hội nhập Tam muội đích thật, là Định hỗ trợ cho Tuệ.

Hai là, từ câu: “Như cả hai cùng vận hành” tiếp xuống: Là dẫn chứng để xác nhận phần trước, đã có sự kết hợp nơi Định Tuệ, nên nêu rõ tất nhiên là cùng hỗ trợ.

Ba là, từ câu: “Nghĩa phương tiện của phần sau” tiếp xuống: Là dùng câu sáu đối chiếu với câu bảy để nhận định về cả hai cùng thành tựu.

Bốn là, từ câu: “Há khiến Bát-nhã” tiếp xuống: Là nêu ngược lại để xác nhận nghĩa trước.

Năm là, từ câu: “Chẳng phải chỉ...” tiếp xuống: Là tổng kết về nghĩa cùng hỗ trợ của muôn hạnh.

Sáu là, từ câu: “Huống chi Bát-nhã có thể...” tiếp xuống: Là đối chiếu tóm kết về chỗ thâm diệu.

Nói “Chẳng đạt được một hành thì không có vị Vua này”: Là mượn lời của sách bên ngoài. Trong Tấn thủ nói: Vương Hiến Chi rất ưa thích cây trúc, đến nơi nào thì đều trồng Trúc. Người khác hỏi nguyên do thì đáp: Người sống trong đời chẳng thể một ngày mà không có vị vua ấy”. Ý ở nơi tâm rộng lặng, trinh tiết, được vào mùa lạnh vẫn chẳng dời đổi. Nay nêu rõ muôn hạnh chẳng thể, dù là tạm thời, mà không có Bát-nhã.

- Sở câu: “Trong phần bảy nói về sự tu tập Phương tiện”: Phần này gồm hai:

Một: Theo văn để giải thích.

Hai: Từ câu: “Câu một, câu chín là nói về việc cứu vượt tế độ. Các câu còn lại là Hồi hướng” tiếp xuống: Là thấu tóm, kết thúc.

Trước hết là dùng hai thứ phương tiện để thấu tóm.

Từ câu: “Dựa nơi kinh Anh Lạc” tiếp xuống: Là biện minh chung về bốn tướng của phần sau.

Về ba sự hóa độ chúng sinh ở sau (thuộc phần nói về tu Phương tiện Ba-la-mật) đều có hai đoạn, theo văn có thể nhận biết.

- Trong phần tám nói về Tu tập Nguyện Ba-la-mật, từ câu: “Chỗ

câu đạt Bồ đề ấy” tiếp xuống: Là tóm kết.

- Nơi phần chín nói về tu tập Lực Ba-la-mật, từ câu: “Một là khế hợp Lý” tiếp xuống: Là tóm gọn.

- Nơi phần mười nói về Trí Ba-la-mật, từ câu: “Bảy phần trước là nói tạo sự thành tựu cho chúng sinh” tiếp xuống: Là tóm kết.

- Sở câu: “Như Từ đồng nữ”: Luận Trí Độ viết: “Đồng nữ Từ Hành muốn đi vào biển để tìm kiếm châu báu, nên thưa với mẹ mình. Bà mẹ không thuận theo chí nguyện kia của con, lúc từ biệt thì lầm lỡ làm tổn thương mẹ một sợi tóc, liền bị đọa nơi địa ngục Hỏa bồn, tự xét là không có tội. Chủ ngục mới chỉ rõ đủ về tướng của tội, nhân đấy mà phát tâm lớn, thấy các tội nhân, biết là cùng một tội này, liền bưng chậu lửa, vì tất cả tội nhân mà đội lên đầu mình. Chủ ngục giận dữ dùng chĩa sắt đánh vào đầu, lập tức mạng chung, được sinh lên cõi Trời.”

- Sở câu: “Tham có hai thứ”: Tức tóm lược có hai thứ ấy. Nhưng theo Luận Du Già quyển thứ hai mươi sáu thì Tham gồm có năm thứ. Luận viết: “Tham có năm thứ”:

Một: Đối với dục của nội thân khởi ham muốn, là Tham của dục.

Hai: Đối với sự dâm nơi ngoại thân khởi ham muốn, là Tham của dâm.

Ba: Đối với Cảnh khởi ham muốn, là Tham của Cảnh.

Bốn: Đối với Sắc khởi ham muốn, là Tham của Sắc.

Năm: Đối với Thân khởi ham muốn, là Tham của Thân.

Giải thích: Theo Pháp Sư Từ Ân (Khuy Cơ) giải thích câu một có hai cách:

Một là: Câu: “Dục dục dục Tham nơi nội thân” là chính nội thân mình khởi dục về Dục giới yếu ớt nên gọi là Dục dục. Tiếp đến khởi Tham năng nên gọi là dục Tham (Tham của Dục).

Hai là: Nội thân mình tức là pháp của đối tượng dục nơi chính nó. Sở dĩ nói dục của nội thân tức trong cái dục của nội thân khởi lên mong muốn (dục); tức tâm năng dục (chủ thể) ấy gọi là Dục Tham. Như vậy chữ dục đầu là đối tượng dục, chữ dục thứ hai là chủ thể dục, chữ dục thứ ba là kết thành tên gọi Tham của dục. Giải thích thứ hai này tốt hơn.

Ngài Bộc Dương kết luận hai cách giải thích và nói; Cách thứ nhất giống như Pháp Sư Đại thừa (cũng là Khuy Cơ). Riêng chữ dục đầu giống giải thích trên, chữ dục tiếp cho là dục của Biệt cảnh, cùng thời với tham duyên nơi đối tượng dục. Mong muốn cái dục của duyên năng nên nói là dục dục. Còn chữ dục sau cũng cùng là đối tượng dục, duyên

với tham của dục nên gọi là dục tham.

Giải thích: Cách giải nghĩa này không bằng ở trên, vì một dục sau đều có dục của Biệt cảnh. Rõ ràng xưa giải thích bốn loại tham sau đều chung cho hai cách giải thích. Suy nghĩ có thể thấy. Nay, ở đây, tuy có hai thứ, mà cũng thấu tóm hết năm loại trên. Tham về Sắc là loại một, hai ở trên. Tham về của cải, danh là ba loại sau. Của cải là loại ba. Bốn là danh thì gồm luôn loại năm. “Cùng với” (đẳng) là cùng với ba thứ kia.

- Số câu: “Lại nhằm ngăn chặn nguyện xấu ác, như Giới kinh đã nói”: Kinh Phạm Võng viết: “Phát khởi mười đại nguyện xong thì vâng giữ giới cấm của Phật, phát nguyện: Thà đem thân này lao vào hầm lớn đầy lửa cháy dữ dội, cùng leo lên núi đao, chứ trọn không hủy phạm kinh luật của ba đời chư Phật, hay cùng với tất cả người nữ tạo hạnh bất tịnh. Có mười hai nguyện, gồm luôn phần kết nói: Nguyện cho kết thủy chúng sinh đều được thành Phật “Là mười ba nguyện”.

- Số từ câu: “Nói sáu pháp Hòa kính”: Tiếp xuống: Là giải thích riêng về sáu pháp Hòa kính. Phần này gồm hai:

Một: Dựa nơi Luận để giải thích. Chính là ở nơi Tiểu thừa, nghĩa chung cho Đại thừa và Tiểu thừa.

Hai: Từ câu: “Lại căn cứ nơi Bồ tát với ba nghiệp cùng thể hiện lòng từ bi” tiếp xuống: Là căn cứ theo Bồ tát để biện minh. Tức ngoài thì đồng với chỗ thiện của người khác, gọi là Hòa. Trong thì tự khiêm tốn, gọi là Kính.

Nói “Ba nghiệp cùng thể hiện lòng Từ”: Là nói về chỗ khác nhau của Đại, Tiểu. Lại nữa, cả ba nghiệp chỉ Hành hòa, không có Lợi hòa.

Một là, “Đồng giới Hòa kính”: Bồ tát thông đạt về thật tướng của các pháp, biết rõ về Tội chẳng thể thủ đắc, vì nhằm khiến cho chúng sinh an trụ nơi lý của thật tướng, dùng phương tiện thiện xảo của Giới, cùng với tất cả, vâng giữ các giới phẩm không hề trái, phạm. Cũng biết chúng sinh đồng với Giới thiện này, chẳng đoan chẳng thường, đời vị lai ắt đạt được quả vị lớn là Bồ đề. Do đấy đã tôn kính như Phật. Vì thế nói là “Cùng giữ giới, dùng làm sự Hòa kính”.

Hai là, “Đồng kiến Hòa kính”: Bồ tát thông đạt về thật tướng, đối với các pháp đều thấy rõ, biết đúng, vì nhằm khiến cho chúng sinh an trụ nơi thật tướng của các pháp nên dùng các phương tiện thiện xảo của chánh kiến, cùng với hết thảy, tạo vô số tri kiến không hề sai trái, cũng biết chúng sinh nhân nơi tri kiến này mà phân biệt tăng tiến, lãnh hội thấu tỏ, ắt đạt được chủng trí tròn sáng. Vì thế mà tôn kính như Phật. Do

vậy nói là “Cùng kiến giải dùng làm sự Hòa kính”.

Ba là “Đồng hành Hòa kính”: Bồ tát thấu đạt thật tướng của các pháp là Vô niệm, Vô hành. Vì nhằm giúp cho chúng sinh an lập nơi thật tướng, nên thực hành đúng các phương tiện thiện xảo, cùng với tất cả, tu tập vô số các Hành không hề sai, trái, cũng rõ chúng sinh nhân nơi các Hành này mà dần dần tích chứa công đức, đều sẽ thành tựu Phật đạo, vì vậy nên tôn kính như Phật. Do đó nói là “Cùng hành hóa dùng làm sự Hòa kính”.

Bốn là “Thân Từ hòa kính”: Bồ tát trụ nơi pháp đại từ bình đẳng vô duyên, dùng diệu lực của thiện căn do nơi Thân tu tập hạnh Từ, nên có thể chẳng dấy khởi diệt định, hiện bày các uy nghi cùng tất cả sự an lạc, nên Thân cùng với chín nẻo hòa đồng, cũng biết rõ chúng sinh đạt được an lạc từ trước, ắt có Phật tánh, đời vị lai nhất định sẽ đạt được thân Kim cương, vì thế nên tôn kính như Phật. Do vậy, nói “Thân thực hành hạnh Từ, dùng làm sự Hòa kính”.

Năm là, “Khẩu từ hòa kính”: Bồ tát dùng pháp Từ rộng lớn bình đẳng, vô duyên, do diệu lực của thiện căn từ sự tu tập nơi khẩu về hạnh Từ nên có thể chẳng dấy khởi diệt định hiện ra khắp tất cả các âm thanh, ngôn từ cùng với mọi sự an lạc, nên miệng nói ra cùng với chín cõi đều hòa đồng, cũng biết rõ chúng sinh vốn có sự an lạc trước đây thấy đều có Phật tánh, đời vị lai nhất định sẽ đạt khẩu nghiệp vô thượng, vì vậy mà tôn kính như Phật. Do đây nói “Khẩu thực hiện hạnh Từ dùng làm sự hòa kính”.

Sáu là, “Ý Từ hòa kính”: Tâm của Bồ tát luôn ở nơi Tam muội đại từ vô duyên, do diệu lực từ của thiện căn từ sự tu tập nơi ý về hạnh Từ, nên có thể không dấy khởi diệt định, hiện bày tâm ý thích ứng với mọi an lạc của chúng sinh, do đó ý cùng với chín nẻo đều có sự hòa hợp, cũng biết rõ chúng sinh vốn có an lạc trước đây thấy đều có Phật tánh, lý của Như Lai tạng, nên đời vị lai nhất định sẽ được tâm như tâm Phật, vì vậy mà tôn kính như Phật, nên gọi là “Ý thực hành hạnh Từ là Hòa kính.”

- Số từ câu: “Cho nên cái tỳ vết của ngọc Khuê trắng hãy còn có thể mài bỏ đi” tiếp xuống: Đây là mượn lời của sách Luận Ngữ: “Nam Dung ưa đọc đi đọc lại thơ Bạch Khuê” tức là văn nơi Úc thiên trong Mao Thi: “Nam dung đọc thơ, tới chỗ này thì đọc đi đọc lại ba lần, rất là trịnh trọng: Cái tỳ vết của ngọc Khuê trắng hãy còn có thể mài bỏ đi chứ điều xấu của lời nói ấy thì chẳng thể chữa lại được!” Mao Thi truyện gọi là “Điểm khuyết” (khuyết điểm).

Nay phần Số giải mượn dùng nhằm tăng thêm phần quan trọng nơi ba nghiệp.

- Số câu: “Phương tiện là chẳng Không”: Tức mượn nơi Kinh Tịnh Danh để dùng, câu: “Hiểu rõ của phương tiện có Tuệ”. Câu dưới tức “Hiểu rõ Tuệ có phương tiện”. Nghĩa là tiếp cận vào Có, mà chẳng mê chấp nơi Không, là phương tiện có Tuệ. Quán Không nhưng chẳng mê chấp nơi Sự, là Tuệ có phương tiện.

- Số câu: “Dùng Niết-bàn để trang nghiêm cõi”: Tức văn nơi Kinh đại Bát Niết-bàn, đến phần sau sẽ nêu dẫn rộng. Theo văn có thể thấy.

Phần thứ hai là đáp lại câu hỏi về “Đức do Hành thành tựu”.

- Số câu: “Cho nên mềm thắng cứng”: Tức mượn lời nơi sách Đạo Đức Kinh của Lão Tử: “Nhu nhược thắng cương cường”. Ngự chú cho rằng: “Mềm mỏng, thuận hợp là có thể hành theo phương tiện. Hành theo phương tiện tức có thể chế ngự được muôn vật. Cho nên biết người nhu nhược (mềm mỏng) tất thắng kẻ cương cường”. Sách Đạo đức Kinh viết: “Trong thiên hạ, cái cực mềm chế ngự được cái cực cứng” (đạo đức Kinh, chương bốn mươi ba, theo bản dịch của Nguyễn Hiến Lê)... Theo ý của Hà Thượng Công thì ý đồng với phần trước, tức cho mềm có thể chế ngự được cứng, như nước có thể xoi thủng đá. Nay ý nơi phần Số giải là ở chỗ này.

- Số câu: “Như Căn bản trítức thành sự chứng đắc bên trong”: Tức nơi bảy sự đều có sự chứng đắc bên trong cùng Nghiệp dụng.

- Số câu: “Cũng tức là đức thành tựu nêu ở trước”: Tức nhắc lại phần văn nói về mười thứ Tự tại với các câu chung riêng ở trước.

Thứ nhất là “Trí Tuệ luân”, là nhắc lại câu chung về ba nghiệp thành tựu nêu trước, Trí là sự dẫn đường.

Chín câu tiếp theo là nhắc lại mười thứ Tự tại. Song phần một, hai không theo thứ tự.

Một là, “Thành sự phân biệt khéo léo”, tức nhắc lại ở trước: Thứ nhất là đạt được “Tâm tự tại” nên khéo thuyết giảng pháp lớn.

Hai là “Diệu lực của niệm rộng lớn” tức là Tự tại thứ hai: “Vô úy tự tại”.

Ba là “Trí Tuệ thiện xảo”, tức là Tự tại thứ ba: “Ở nơi các pháp được tự tại”, cùng với Tự tại thứ tư: “Ở nơi Trí được tự tại”, do Trí Tuệ thiện xảo thấu rõ về pháp. Cho nên hợp chung hai thứ làm một.

Bốn là “Tổng trì của thật tướng” tức là Tự tại thứ bảy: “Đà-la-ni tự tại”.

Năm là “Thành tựu Bồ đề”, tức Tự tại thứ năm: “Bát-nhã tự tại”.
Bát-nhã là trước hết.

Sáu là “Biện tài không sai lầm”, tức Tự tại thứ sáu: “Biện tài tự tại”.

Bảy là “Được Phật gia hộ, giữ gìn”, tức là Tự tại thứ tám: “Tùy nơi chỗ diễn nói mà mở bày các môn thí dụ”.

Tám là “Đi vào khắp các Phật hội” tức là “Tâm đại bi tự tại”, dạy dỗ chúng sinh chẳng hề mệt mỏi.

Chín là, “Đồng một Thể tánh”, tức Tự tại thứ mười: “Tâm đại từ tự tại”. Đồng thể Từ tâm.

Một câu thứ mười “Làm bậc đại pháp sư” là tổng kết về mười câu trước.
